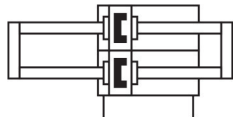


**Xy lanh hai pít tông**  
**DGTZ-GF-32-80-J-T-P-A**  
Số bộ phận: 8103518

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                                              | 80 mm                                                         |
| Phạm vi vị trí cuối/chiều dài có thể điều chỉnh                         | 10 mm                                                         |
| Ø pít tông                                                              | 32 mm                                                         |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                                     | Hai ách                                                       |
| Đệm                                                                     | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                                          | bất kì                                                        |
| Dẫn hướng                                                               | Thanh dẫn hướng trượt                                         |
| Cấu trúc xây dựng                                                       | Dẫn hướng                                                     |
| Phát hiện vị trí                                                        | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                                        | 0.12 MPA...0.8 MPA<br>1.2 bar...8 bar                         |
| Nguyên tắc vận hành                                                     | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                                       | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                   | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                    | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                                           | VDMA24364 Vùng III                                            |
| Loại phòng sạch                                                         | Loại 6 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                          | -10 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                                    | 0.4 N m                                                       |
| Tải trọng tối đa tùy thuộc vào hành trình ở một khoảng cách xác định xs | 33.5 N                                                        |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi                   | 724 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống                   | 724 N                                                         |
| Khối lượng di chuyển                                                    | 1151.5 g                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                                                    | 2540 g                                                        |
| Cổng nối khí nén                                                        | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                                        | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                                            | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                                       | NBR                                                           |
| Vật liệu vỏ                                                             | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu thanh piston                                                   | thép không gỉ hợp kim cao                                     |